ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:4562 /QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày* 30 *tháng* 10 *năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Công văn số 873/BKHCN-CNCNTT ngày 16/4/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết;

Căn cứ Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 12/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 294/TTr-SKHCN ngày 22/10/2026 về việc ban hành Danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố Hải Phòng năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2026 (gọi tắt là Danh mục) gồm 07 bài toán:

1. Ước tính nhanh và cảnh báo sớm mô hình tăng trưởng kinh tế mới phục vụ điều hành.

2. Giải quyết dứt điểm ngập úng tại các "điểm đen" đô thị Hải Phòng trong điều kiện biến đổi khí hậu và đô thị hóa nhanh, đồng thời tạo ngành nghề, giá trị mới và tiết kiệm chi phí đầu tư.

3. Nâng cao khả năng điều phối thông suốt chuỗi cung ứng kết nối đến cảng biển Hải Phòng nhằm giảm thời gian, ùn tắc và chi phí logistics, đưa thành phố trở thành trung tâm logistics quốc tế.

4. Nghiên cứu, sản xuất, ứng dụng và thí điểm thiết bị bay không người lái (UAV) phục vụ các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của thành phố: cảng biển, logistics, đồng thời hình thành ngành công nghiệp UAV tại Hải Phòng.

5. Truy xuất nguồn gốc toàn trình các sản phẩm OCOP và thực phẩm cung cấp cho bếp ăn tập thể tại các trường học, khu công nghiệp trên địa bàn thành phố, bảo đảm an toàn thực phẩm và nâng cao giá trị sản phẩm địa phương.

6. Xây dựng Bản đồ số công nghiệp hỗ trợ làm dữ liệu điều hành, thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ của thành phố phát triển có sức cạnh tranh, thu hút đối tác, doanh nghiệp nước ngoài sử dụng sản phẩm do doanh nghiệp thành phố Hải Phòng sản xuất.

7. Xây dựng Bản đồ số chỉ số sẵn sàng đầu tư của thành phố Hải Phòng, giúp nhà đầu tư lựa chọn địa điểm phù hợp với nhu cầu, quy mô sản xuất một cách công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian xúc tiến và ra quyết định đầu tư.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì:

1.1. Cùng Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Cổng Thông tin điện tử thành phố) công bố danh mục bài toán trên Cổng thông tin điện tử thành phố và các phương tiện thông tin truyền thông để các tổ chức, doanh nghiệp, nhà khoa học trong và ngoài nước biết, tham gia đề xuất giải pháp.

1.2. Cùng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan định kỳ rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Danh mục; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

2. Các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin, dữ liệu, chủ động đề xuất bổ sung bài toán mới thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cổng TTĐT Bộ KHCN (để đăng Danh mục);
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Cổng TTĐT TP (để đăng Danh mục);
- Lưu: VT, N.Đ.Thắng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Cường

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC BÀI TOÁN LỚN VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Tên bài toán	Hiện trạng	Câu hỏi khoa học công nghệ	Sản phẩm mới cần hình thành
1	Ước tính nhanh và cảnh báo sớm mô hình tăng trưởng kinh tế mới phục vụ điều hành	GRDP 6 tháng đầu năm 2026 tăng 11,33%; GRDP và IIP quý II chưa đạt mục tiêu, cả 4 khu vực kinh tế tăng thấp hơn mục tiêu. Công tác dự báo, phân tích, nhận diện điểm nghẽn còn chậm. 9/30 công trình trọng điểm chậm giải phóng mặt bằng, thi công. Yêu cầu nâng cao hiệu quả khai thác IOC. Số liệu thống kê có độ trễ theo quý; IOC chưa khai thác sâu cho điều hành kinh tế. Cập nhật đến tháng 10/2026: GRDP quý III ước tăng 13,09%, 9 tháng tăng 12,08% (đứng thứ 3 cả nước, cao nhất cùng kỳ 6 năm gần đây); chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 15,23%; thu ngân sách trên địa bàn ước 162.173 tỷ đồng (tăng 11,7%); vốn FDI hơn 3,6 tỷ USD (93,3% kế hoạch năm). Nghị quyết số 312/NQ-CP giao Hải Phòng kịch bản tăng trưởng GRDP quý IV đạt 15,39%, gắn với mục tiêu cả năm từ 13% trở lên; yêu cầu rà soát động lực, dư địa tăng trưởng những tháng cuối năm, thúc đẩy dự án sớm hoàn thành, doanh nghiệp mở rộng sản xuất, đẩy nhanh giải ngân đầu tư công Quý IV phải tăng cao hơn quý III khoảng 2,3 điểm phần trăm trong khi số liệu	(1) Tổ hợp dữ liệu thay thế nào (hóa đơn điện tử, điện năng tiêu thụ tại KCN, sản lượng hàng qua cảng, kim ngạch hải quan, thu ngân sách, giải ngân Kho bạc) dự báo tốt nhất GRDP, IIP theo tháng? (2) Mô hình nowcasting, học máy nào đạt sai số chấp nhận được với chuỗi số liệu ngắn sau hợp nhất Hải Phòng - Hải Dương? (3) Phương pháp nào phát hiện sớm dự án lệch đường găng tiến độ, giải ngân? (4) Kết nối, chia sẻ dữ liệu liên ngành an toàn qua LGSP như thế nào? (5) Để đạt kịch bản 15,39% quý IV, mỗi tháng, mỗi ngành, khu vực cần đóng góp bao nhiêu; chỉ báo dẫn nào cảnh báo sớm nguy cơ hụt kịch bản để kịp điều chỉnh giải pháp?	- Hệ thống điều hành kinh tế có khả năng nhận diện sớm xu hướng tăng trưởng; - Mô hình ước tính GRDP, IIP hằng tháng; bảng điều hành kịch bản tăng trưởng tích hợp IOC và HPnet; - Giai đoạn đầu (quý IV/2026): bảng theo dõi tiến độ thực hiện kịch bản tăng trưởng quý IV theo NQ 312/NQ-CP, cập nhật hằng tháng theo ngành, khu vực; - Hệ thống cảnh báo sớm cho công trình trọng điểm, dự án hạ tầng KCN;

		chính thức chỉ có theo quý, nên nhu cầu theo dõi, cảnh báo sớm theo tháng là cấp thiết.		
2	Giải quyết dứt điểm ngập úng tại các "điểm đen" đô thị Hải Phòng trong điều kiện biến đổi khí hậu và đô thị hóa nhanh, đồng thời tạo ngành nghề, giá trị mới và tiết kiệm chi phí đầu tư.	**a) Địa chỉ cụ thể:** - Khu vực đô thị trung tâm có 16 "điểm đen", ngập sâu 50-100 cm, thời gian tiêu thoát 4-8 giờ khi mưa lớn kết hợp triều cường: Hồng Bàng cũ (khu đô thị cũ; Bến xe Thượng Lý – chân cầu Bính); Lê Chân cũ (đường Tô Hiệu; đường Chùa Hàng; ngã ba Hàng Kênh – Đình Đông); Ngô Quyền cũ (đường Lê Lai; ngã 5 phụ – Lê Lợi; Cầu Đất; Lương Khánh Thiện); Hải An cũ (Phủ Thượng Đoạn – Bùi Thị Tự Nhiên; Trung Lực – Nguyễn Đồn); Kiến An cũ (Trần Tất Văn và các tuyến nhánh; ngã 6 Quán Trữ); Dương Kinh cũ (KĐT Anh Dũng 3); Đồ Sơn cũ (ngã ba khu 1 Quảng trường Biển; TDP Trung Dũng, Ngọc Xuyên) - Khu đô thị mới, vùng ven (Thủy Nguyên, An Dương, Cát Bà, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Kiến Thụy, An Lão) ngập cục bộ từ 20-30cm, thời gian tiêu thoát 2-4 giờ khi mưa lớn. - Khu vực phía Tây (Hải Dương cũ): đường Quang Trung (P. Hải Dương), Nguyễn Đức Khiêm (P. Thành Đông), Nguyễn Lương Bằng (P. Lê Thanh Nghị) ngập 35-40 cm, thời gian tiêu thoát 2-4 khi mưa lớn. - Năm 2026 tiếp tục tái diễn: ngày 17/5/2026 mưa trên 110 mm, mực nước sông Tam Bạc 3,8-3,9 m, ngập các tuyến Lê Lợi, Tô Hiệu, Chùa Hàng,	(1) Mô hình nào kết hợp dữ liệu mưa (radar, vệ tinh, trạm đo), thủy triều, mực nước sông Tam Bạc, Cấm, Lạch Tray và cảm biến mực nước trong cống để dự báo độ sâu, thời gian ngập cho từng "điểm đen" trước ít nhất 60 phút? (2) Thuật toán vận hành chủ động trạm bơm, cống ngăn triều, hạ mực nước hồ điều hòa trước mưa theo dự báo giúp tăng thêm bao nhiêu dung tích trữ, tiêu thoát mà không phải xây mới; tiết kiệm bao nhiêu điện năng bơm? (3) Bản sao số (Digital Twin) lưu vực thoát nước cho 7 tiểu vùng cần xây dựng thế nào để thẩm định, so sánh hiệu quả - chi phí và xếp thứ tự ưu tiên danh mục dự án chống ngập, tránh đầu tư dàn trải? (4) Vật liệu và giải pháp hạ tầng xanh (bê tông, gạch thấm nước, bể trữ ngầm, vườn mưa) nào phù hợp nền đất yếu, nước ngầm nông của Hải Phòng; có thể sản xuất tại chỗ từ tro xỉ nhiệt điện, phế thải xây dựng với giá thành cạnh tranh không? (5) Cơ chế nào để khai thác dữ liệu ngập thành dịch vụ có giá trị: cảnh báo cho cảng, KCN, logistics; bảo hiểm tham số;	Sản phẩm: thực hiện tại 16 "điểm đen" ngập lụt trong khu vực đô thị; - Hệ thống cảnh báo sớm ngập theo điểm, bản đồ ngập thời gian thực tích hợp IOC, SmartHaiPhong; - Phần mềm hỗ trợ vận hành tối ưu trạm bơm, cống, hồ điều hòa; - Bản sao số lưu vực thoát nước phục vụ thẩm định dự án; - Tiêu chuẩn cơ sở, định mức cho vật liệu thấm nước sản xuất tại địa phương. **Ngành nghề, giá trị mới:** sản xuất thiết bị IoT, cảm biến quan trắc nước trong nước; dịch vụ dữ liệu, dự báo ngập chuyên dụng; vật liệu xây dựng thấm nước từ tro xỉ, phế thải (kinh tế tuần hoàn); tư vấn mô hình thủy lực, vận hành hạ tầng thông minh; sản phẩm bảo hiểm tham số.

		Lạch Tray, Trần Tất Văn (P. Phù Liễn); ngày 30/6/2026 ngập 30-50 cm nhiều tuyến trung tâm. **b) Nguyên nhân, áp lực:** Hệ thống thoát nước chỉ chịu được mưa dưới 100 mm (tại các điểm đen còn thấp hơn), trong khi mưa trên 100 mm đã tăng từ 2-3 năm/lần lên tối thiểu 2 trận/năm; hồ điều hòa khu đô thị cũ chỉ đạt 0,62% quỹ đất (quy chuẩn 5-7%); bê tông hóa làm giảm thấm; nước biển dâng khoảng 20 cm trong 10 năm. Điều hành chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, chưa có dự báo ngập theo từng điểm. **c) Bài toán chi phí:** Nhu cầu vốn chống ngập theo định hướng quy hoạch đến năm 2040, tầm nhìn 2050 hơn 483.000 tỷ đồng; đến năm 2030 tập trung 5 dự án trọng điểm (lưu vực sông Đa Độ khoảng 10.000 tỷ đồng; kênh An Kim Hải trên 1.828 tỷ đồng; điểm đen Hùng Vương và Lê Chân, Hải An, Kiến An 1.500 tỷ đồng…). Nếu chỉ dựa vào công trình "cứng" thì chi phí rất lớn, thời gian dài, cần KH&CN để chọn đúng điểm, đúng giải pháp và khai thác tối đa hạ tầng sẵn có.	đánh giá rủi ro ngập cho bất động sản, tín dụng?	**Tiết kiệm chi phí**: cảnh báo trước ≥ 60 phút; giảm thời gian ngập tại điểm thí điểm từ 4-8 giờ xuống ≤ 2 giờ; giảm điện năng bơm; tối ưu thứ tự đầu tư trong tổng nhu cầu vốn trên 483.000 tỷ đồng; giảm thiệt hại phương tiện, kinh doanh, giao thông.
3	Nâng cao khả năng điều phối thông suốt chuỗi cung ứng kết nối đến cảng biển Hải Phòng nhằm giảm thời gian, ùn tắc và chi phí logistics, đưa thành phố trở thành trung tâm	**a) Quy mô, tốc độ tăng trưởng:** - Năm 2025, hàng hóa thông qua cảng biển Hải Phòng đạt hơn 115,6 triệu tấn (tăng 8,7%), container 8,35 triệu TEU (tăng 13%), 41.520 lượt tàu (tăng 11%); có 30 tuyến dịch vụ hàng hải quốc tế. Mục tiêu năm 2026: 122 triệu tấn, 9,1 triệu TEU, 42.500 lượt tàu. 6 tháng đầu năm 2026 sản lượng tăng 11,4% so với cùng kỳ. - Năng lực hạ tầng tăng nhanh: bến 3, 4 (Cảng	(1) Kiến trúc dữ liệu và chuẩn trao đổi (theo chuẩn quốc tế về chứng từ thương mại, hàng hải) nào cho phép kết nối hệ thống ePort, TOS của các cảng với Cổng thông tin một cửa quốc gia, hải quan, Cảng vụ, hãng tàu, kho bãi, vận tải mà không phải thay thế hệ thống sẵn có? (2) Mô hình AI nào kết hợp dữ liệu AIS, dữ liệu GPS phương tiện vận tải (không	**Sản phẩm:** - Nền tảng cộng đồng cảng (Port Community System) Hải Phòng: trao đổi dữ liệu, chứng từ điện tử dùng chung, tích hợp ePort các cảng, hải quan, Cảng vụ, kết nối IOC; - Hệ thống hẹn giờ xe vào cảng dùng chung, điều phối

	logistics quốc tế.	Hải Phòng) và bến 5, 6 (HHIT) khu bến Lạch Huyện đưa vào khai thác, đã tiếp nhận tàu container gần 214.000 DWT (23/6/2026); Nam Đình Vũ giai đoạn 3 vận hành từ cuối năm 2025. Mục tiêu kim ngạch xuất khẩu năm 2026 đạt 52 tỷ USD. - Thành phố đang triển khai Nền tảng Logistics liên ngành Hải Phòng, dự kiến thí điểm từ tháng 7/2026 đến tháng 12/2026; bài toán là bước phát triển tiếp theo của nền tảng này, tránh nghiên cứu, đầu tư chồng chéo. **b) Điểm nghẽn:** - Áp lực điều hành giao thông hàng hải tăng nhanh cùng tốc độ phát triển khu bến Lạch Huyện; cần đồng bộ vũng quay tàu, luồng, vùng đón trả hoa tiêu và hệ thống VTS. Nạo vét luồng thượng lưu Đình Vũ chưa hoàn thành thông luồng toàn tuyến; cung cầu bến cảng mất cân đối giữa khu Lạch Huyện và tuyến luồng Bạch Đằng. - Mỗi cảng vận hành hệ thống cảng điện tử (ePort, TOS) riêng; dữ liệu giữa cảng, hải quan, Cảng vụ, hãng tàu, kho bãi, vận tải còn rời rạc, chưa có nền tảng dùng chung cấp thành phố; xe container ra vào cảng chưa được điều phối theo khung giờ chung, gây ùn tắc trên các trục Đình Vũ, Tân Vũ - Lạch Huyện vào giờ cao điểm. - Hàng hóa ra vào cảng chủ yếu bằng đường bộ; tỷ trọng thủy nội địa, đường sắt còn thấp, chưa khai thác lợi thế sông ngòi. **c) Yêu cầu, cơ hội:** - Chi phí logistics của Việt Nam khoảng 16-17% GDP; mục tiêu đến năm 2030 giảm còn 12-15%	định danh), lịch tàu, tờ khai hải quan, lệnh giao hàng để dự báo thời gian tàu đến, luồng hàng và nhu cầu xe ra vào từng cảng theo giờ với sai số chấp nhận được? (3) Thuật toán nào tối ưu hẹn giờ xe vào cảng dùng chung, phân bổ bãi container, điều phối luồng tàu cho cụm cảng Lạch Huyện - Đình Vũ - Bạch Đằng; giảm được bao nhiêu thời gian chờ, ùn tắc và quãng đường chạy rỗng? (4) Mô hình nào xác định hành lang, điểm trung chuyển và phương án chuyển dịch hàng sang thủy nội địa, đường sắt (cảng - ICD - KCN), gắn với tuyến hành lang đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, hiệu quả về chi phí, thời gian và phát thải? (5) Cơ chế quản trị, phân quyền, bảo mật dữ liệu nào để các doanh nghiệp cạnh tranh nhau đồng ý chia sẻ dữ liệu mà vẫn bảo vệ bí mật kinh doanh; mô hình kinh doanh nào để nền tảng tự vận hành bền vững sau thí điểm? (6) Bộ chỉ số nào đo lường tự động hiệu quả logistics cấp thành phố (thời gian quay vòng xe, thời gian tàu chờ, thời gian container lưu bãi, chi phí/TEU, phát thải) làm căn cứ điều hành và đánh giá hiệu quả đầu tư?	giao thông khu cảng Đình Vũ - Lạch Huyện; - Mô-đun AI dự báo luồng hàng, thời gian tàu đến, nhu cầu bãi, xe; - Hệ thống hỗ trợ kết nối vận tải đa phương thức, ghép hàng sà lan, đường sắt; - Bộ chỉ số hiệu quả logistics theo thời gian thực hiển thị trên IOC; - Thí điểm chứng từ không giấy (lệnh giao hàng, phiếu giao nhận container điện tử) gắn với Khu thương mại tự do; - Quy chế chia sẻ dữ liệu, tiêu chuẩn cơ sở về trao đổi dữ liệu logistics. **Ngành nghề, giá trị mới:** dịch vụ dữ liệu logistics; phần mềm, AI logistics do doanh nghiệp trong nước phát triển; tư vấn tối ưu chuỗi cung ứng; đo đếm phát thải phục vụ cảng xanh; tài chính chuỗi cung ứng dựa trên dữ liệu. **Chỉ tiêu dự kiến**: giảm ≥ 30% thời gian chờ xe vào cảng tại cảng thí điểm; 100% lệnh giao hàng, phiếu giao

		GDP. - Đề án xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm logistics quốc tế hiện đại phải báo cáo Chính phủ; định hướng cảng thông minh, logistics thông minh - Khu thương mại tự do Hải Phòng quy mô khoảng 6.292 ha, gồm khu cảng và hậu cần cảng, trung tâm logistics, đòi hỏi hạ tầng dữ liệu, chứng từ điện tử đồng bộ.		nhận container điện tử tại cảng thí điểm; tăng tỷ trọng hàng qua thủy nội địa, đường sắt; góp phần đưa chi phí logistics về mục tiêu 12-15% GDP.
4	Nghiên cứu, sản xuất, ứng dụng và thí điểm thiết bị bay không người lái (UAV) phục vụ các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của thành phố: cảng biển, logistics, đồng thời hình thành ngành công nghiệp UAV tại Hải Phòng.	**a) Định hướng, nhu cầu:** - Định hướng quốc gia: phát triển kinh tế tầm thấp, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với thiết bị bay không người lái; Quyết định số 808/QĐ-TTg giao Bộ Quốc phòng nghiên cứu, xây dựng hệ thống quản lý thiết bị bay không người lái quốc gia (UTM) phục vụ quản lý vùng trời và phát triển kinh tế tầm thấp; đến năm 2030 vận hành 3 khu thử nghiệm bay UAV cấp quốc gia, kêu gọi doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học tham gia đầu tư, vận hành theo hình thức xã hội hóa. - Hải Phòng có cụm cảng biển quy mô lớn (năm 2025 đạt hơn 115,6 triệu tấn, 8,35 triệu TEU), 46 KCN, các đặc khu Cát Hải, Bạch Long Vĩ và vùng biển rộng; nhu cầu ứng dụng UAV lớn: kiểm đếm, giám sát bãi container, kiểm kê kho, kiểm tra kết cấu cầu cảng, cần trục, đê kè, luồng tàu; giám sát môi trường, tràn dầu; vận chuyển hàng nhẹ ra tàu neo đậu, ra đảo; bảo đảm an ninh khu cảng. - Thành phố có nền tảng công nghiệp điện tử, cơ khí chế tạo, công nghiệp hỗ trợ và các trường đại học kỹ thuật (Đại học Hàng hải Việt Nam…) có thể tham gia nghiên cứu, sản xuất linh kiện, đào	(1) Thiết kế, chế tạo UAV và linh kiện (khung, động cơ, pin, bộ điều khiển bay, cảm biến, gimbal) nào phù hợp môi trường cảng biển; tỷ lệ nội địa hóa đạt bao nhiêu khi huy động doanh nghiệp cơ khí, điện tử, công nghiệp hỗ trợ của thành phố (gắn với Bài toán số 6)? (2) Giải pháp UAV kết hợp trí tuệ nhân tạo nào tự động kiểm đếm, nhận dạng container, giám sát bãi, kiểm kê kho, kiểm tra kết cấu cầu cảng, cần trục, đê kè, luồng hàng hải; giảm được bao nhiêu thời gian, chi phí so với phương pháp thủ công? (3) Mô hình vận chuyển hàng nhẹ (phụ tùng, tài liệu, mẫu, thuốc) bằng UAV từ bờ ra tàu neo đậu, ra đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ cần tải trọng, tầm bay nào; chi phí mỗi chuyến có cạnh tranh được với tàu dịch vụ không? (4) Hệ thống quản lý bay UAV tầm thấp cấp thành phố cần xây dựng thế nào để kết nối với hệ thống UTM quốc gia: phân vùng không phận, hành lang bay, cấp phép số, định danh điện tử, phát hiện và	**Sản phẩm:** - Trung tâm huấn luyện, thử nghiệm, kiểm định UAV Hải Phòng (vùng thử nghiệm có kiểm soát); - Dòng UAV chuyên dụng cho cảng biển - logistics do doanh nghiệp trong nước sản xuất (kiểm tra, giám sát, vận chuyển hàng nhẹ); - Phần mềm AI phân tích dữ liệu UAV (kiểm đếm container, kiểm kê kho, kiểm tra kết cấu) tích hợp IOC, Nền tảng cộng đồng cảng (Bài toán số 3); - Hệ thống quản lý bay UAV tầm thấp cấp thành phố kết nối UTM quốc gia; - Thí điểm tuyến vận chuyển bờ - tàu, bờ - đảo. **Ngành nghề, giá trị mới:** sản xuất, lắp ráp UAV và linh kiện; dịch vụ bay, kiểm

		tạo nhân lực UAV. **b) Điểm nghẽn:** - Chưa có không gian bay thử nghiệm, trung tâm huấn luyện, kiểm định UAV tại địa phương; khu vực cảng, KCN nằm gần sân bay Cát Bi, thuộc vùng hạn chế bay; tháng 6/2026 thành phố đã chỉ đạo khẩn siết chặt quản lý UAV, vật thể bay trái phép quanh sân bay Cát Bi theo Công văn số 8747/BXD-VT&ATGT ngày 10/6/2026 của Bộ Xây dựng; cần cân bằng giữa bảo đảm an ninh, an toàn hàng không và thúc đẩy ứng dụng. - Ứng dụng UAV tại cảng, logistics còn manh mún, tự phát; thiết bị chủ yếu nhập khẩu; thiếu nhân lực điều khiển, bảo trì, phân tích dữ liệu UAV. - Môi trường cảng biển có gió mạnh, hơi muối, nhiễu điện từ do kết cấu thép, cần trục; đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật riêng đối với thiết bị và quy trình bay.	xử lý UAV trái phép, bảo đảm an ninh khu vực sân bay Cát Bi, cảng biển? (5) Mô hình Trung tâm huấn luyện, thử nghiệm, kiểm định UAV của thành phố (địa điểm, cơ chế xã hội hóa, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) và chương trình đào tạo người điều khiển, kỹ thuật viên UAV tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn như thế nào? (6) UAV được tích hợp thế nào vào ứng phó sự cố tràn dầu, tìm kiếm cứu nạn trên biển, giám sát môi trường, thiên tai, ngập úng (gắn với Bài toán số 2)?	định, đào tạo người điều khiển UAV; dịch vụ dữ liệu hàng không tầm thấp. **Chỉ tiêu dự kiến (đến năm 2027):** Trung tâm thử nghiệm đi vào hoạt động; ít nhất 3 kịch bản ứng dụng được thí điểm tại cảng, KCN; ít nhất 1 dòng UAV chuyên dụng do doanh nghiệp Hải Phòng sản xuất được kiểm định; đào tạo ít nhất 200 người điều khiển, kỹ thuật viên UAV.
5	Truy xuất nguồn gốc toàn trình các sản phẩm OCOP và thực phẩm cung cấp cho bếp ăn tập thể tại các trường học, khu công nghiệp trên địa bàn thành phố, bảo đảm an toàn thực phẩm và nâng cao giá trị sản phẩm địa phương.	**a) Quy mô:** - Đến hết tháng 6/2026, thành phố có hơn 600 sản phẩm OCOP còn hiệu lực (thực phẩm, đồ uống, dược liệu, thủ công mỹ nghệ, sinh vật cảnh, du lịch cộng đồng), trong đó 10 sản phẩm 5 sao; mục tiêu đến năm 2030 trên 80% sản phẩm OCOP tham gia sàn thương mại điện tử; chủ thể OCOP được hỗ trợ chuẩn hóa thông tin, bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc. - Bếp ăn tập thể quy mô lớn: nhiều trường học tổ chức bán trú, lượng lớn người lao động tại các KCN sử dụng bếp ăn tập thể hằng ngày - Thực hiện Văn bản số 325/UBND-NC ngày	(1) Kiến trúc nền tảng truy xuất nguồn gốc dùng chung cấp thành phố nào, theo chuẩn quốc tế (GS1) và kết nối hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia, liên thông dữ liệu từ vùng sản xuất, chứng nhận, kiểm nghiệm, vận chuyển đến bếp ăn để truy xuất "toàn trình"? (2) Công nghệ nào (tem điện tử chống giả, mã QR động, RFID/NFC, chuỗi khối, cảm biến IoT giám sát nhiệt độ chuỗi lạnh) ghi nhận dữ liệu tự động, chống làm giả với chi phí phù hợp hợp tác xã, hộ sản xuất nhỏ?	**Sản phẩm:** - Nền tảng truy xuất nguồn gốc toàn trình dùng chung của thành phố, kết nối hệ thống quốc gia, IOC; - Hệ thống tem điện tử chống giả cho sản phẩm OCOP, tự động cập nhật trạng thái chứng nhận; - Phần mềm quản lý bếp ăn tập thể thông minh (trường học, KCN) và ứng dụng công khai thông tin cho phụ

		25/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố, Công an thành phố đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành xây dựng Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; đến nay hệ thống đã cơ bản hoàn thiện, đưa vào vận hành tại địa chỉ https://truyxuat.mobifonehaiphong.vn/. Sở Nông nghiệp và Môi trường đang phối hợp vận động người dân, doanh nghiệp cập nhật, khai thác dữ liệu và xin ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường để kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống truy xuất nguồn gốc của Bộ. **b) Điểm nghẽn:** - Truy xuất nguồn gốc chủ yếu là tem QR tĩnh do từng chủ thể tự thực hiện trên nhiều nền tảng khác nhau; thông tin do cơ sở tự khai, chưa liên thông với dữ liệu chứng nhận (VietGAP, OCOP, an toàn thực phẩm), kết quả kiểm nghiệm; khó phát hiện tem giả, tem sao chép; chưa tự động cập nhật trạng thái hiệu lực chứng nhận OCOP (36 tháng). - Nhiều chủ thể OCOP là hợp tác xã, hộ sản xuất quy mô nhỏ, hạn chế về năng lực số và chi phí áp dụng công nghệ. - Bếp ăn tập thể trường học, KCN là nhóm nguy cơ cao về ngộ độc thực phẩm; thành phố đã yêu cầu tăng cường kiểm tra, đẩy mạnh truy xuất nguồn gốc, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ sở giáo dục nếu xảy ra ngộ độc; tuy nhiên thực phẩm đầu vào qua nhiều nhà cung cấp trung gian, hồ sơ chủ yếu bằng giấy, khó truy vết nhanh khi có sự cố; phụ huynh, người lao động chưa được tiếp cận thông tin thực đơn, nguồn gốc thực	(3) Mô hình AI nào phân tích dữ liệu chuỗi cung ứng thực phẩm cho bếp ăn tập thể để cảnh báo sớm rủi ro an toàn thực phẩm (nhà cung cấp vi phạm, lô hàng bất thường, bảo quản sai nhiệt độ) và truy vết nguồn gây ngộ độc trong vài giờ thay vì vài ngày? (4) Giải pháp số hóa bếp ăn tập thể nào (nhật ký điện tử nhận hàng, kiểm thực ba bước, lưu mẫu, camera AI giám sát quy trình chế biến) và ứng dụng công khai thực đơn, nguồn gốc thực phẩm cho phụ huynh, người lao động? (5) Cơ chế kết nối cung - cầu nào đưa sản phẩm OCOP, nông sản an toàn địa phương vào bếp ăn trường học, KCN với giá cạnh tranh; tiêu chí ưu tiên nhà cung cấp có dữ liệu truy xuất đầy đủ? (6) Cơ chế phân công trách nhiệm cập nhật, chia sẻ dữ liệu giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu như thế nào?	huynh, người lao động; - Hệ thống cảnh báo sớm, truy vết sự cố an toàn thực phẩm; - Sàn kết nối cung ứng sản phẩm OCOP, nông sản an toàn cho bếp ăn tập thể. **Ngành nghề, giá trị mới:** dịch vụ truy xuất nguồn gốc, tem điện tử; logistics lạnh thực phẩm; cung ứng suất ăn đạt chuẩn; nâng giá trị thương hiệu sản phẩm OCOP. **Chỉ tiêu dự kiến (đến năm 2027):** 100% sản phẩm OCOP còn hiệu lực có mã truy xuất trên nền tảng chung; thí điểm tại ít nhất 50 trường có bếp ăn bán trú và 10 bếp ăn tập thể tại KCN; truy vết nguồn gốc khi có sự cố trong thời gian không quá 4 giờ; tỷ lệ sản phẩm OCOP, nông sản địa phương trong bếp ăn thí điểm đạt tối thiểu 30%.

		phẩm. - Sản phẩm OCOP, nông sản an toàn của địa phương chưa được kết nối, ưu tiên đưa vào bếp ăn tập thể dù đây là thị trường tiêu thụ lớn, ổn định.		
6	Xây dựng Bản đồ số công nghiệp hỗ trợ làm dữ liệu điều hành, thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ của thành phố phát triển có sức cạnh tranh, thu hút đối tác, doanh nghiệp nước ngoài sử dụng sản phẩm do doanh nghiệp thành phố Hải Phòng sản xuất.	**a) Định hướng, mục tiêu:** - Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT) giai đoạn 2026 - 2035, tập trung cho 5 ngành chủ lực: điện tử, công nghệ cao, cơ khí chế tạo, ô tô, dệt may - da giày; mục tiêu đến năm 2030 có 300 - 350 doanh nghiệp CNHT đủ năng lực tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI và tập đoàn đa quốc gia; Chương trình xác định hỗ trợ doanh nghiệp vận hành, khai thác hệ thống dữ liệu phục vụ kết nối chuỗi cung ứng, xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường. - Sau hợp nhất Hải Phòng - Hải Dương, quy mô khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp và số lượng doanh nghiệp FDI tăng mạnh; vốn FDI 9 tháng năm 2026 hơn 3,6 tỷ USD, tạo nhu cầu lớn về linh kiện, phụ tùng, dịch vụ gia công cung ứng tại chỗ. **b) Điểm nghẽn:** - Chưa có cơ sở dữ liệu thống nhất, cập nhật về số lượng, phân bố, năng lực sản xuất, công nghệ, chứng chỉ chất lượng của doanh nghiệp CNHT; dữ liệu phân tán tại Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế, cơ quan thuế, hải quan, hiệp hội; chưa đo lường được tỷ lệ nội địa hóa theo ngành, theo doanh nghiệp FDI. - Doanh nghiệp FDI khó tìm nhà cung ứng nội	(1) Kiến trúc dữ liệu, bộ chuẩn hồ sơ năng lực doanh nghiệp CNHT (sản phẩm theo mã HS, công nghệ, thiết bị, công suất, chứng chỉ ISO/IATF…) nào cho phép tích hợp dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, thuế, hải quan, khu công nghiệp, hiệp hội trên Hạ tầng dữ liệu dùng chung của thành phố và được cập nhật thường xuyên? (2) Phương pháp phân tích dữ liệu xuất nhập khẩu và mô hình AI nào xác định được linh kiện, phụ tùng doanh nghiệp FDI đang nhập khẩu mà doanh nghiệp trong nước có thể thay thế; ghép nối tự động yêu cầu kỹ thuật của bên mua (bản vẽ, danh mục vật tư) với nhà cung ứng phù hợp? (3) Bộ chỉ số nào đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu của doanh nghiệp CNHT và tỷ lệ nội địa hóa theo ngành, phục vụ bảng điều hành của lãnh đạo thành phố và theo dõi chỉ tiêu Chương trình 2026 - 2035? (4) **Nguồn nhân lực tương lai:** mô hình dự báo nào xác định nhu cầu kỹ sư, cử nhân, kỹ thuật viên theo từng ngành CNHT và vị trí việc làm, để các trường	**Sản phẩm:** - Nền tảng Bản đồ số CNHT Hải Phòng trên nền GIS: vị trí, năng lực doanh nghiệp, khu, cụm công nghiệp, kết nối IOC; - Bảng điều hành cho lãnh đạo thành phố: chỉ tiêu CNHT, tỷ lệ nội địa hóa, khoảng trống chuỗi cung ứng, cảnh báo, báo cáo tự động; - Cổng kết nối B2B đa ngữ (Việt, Anh, Nhật, Hàn, Trung) với hồ sơ năng lực doanh nghiệp được xác thực, đăng nhu cầu tìm nguồn cung, gợi ý ghép nối bằng AI; - Bản đồ nhân lực CNHT: dự báo nhu cầu nhân lực theo ngành; kết nối sinh viên, nhà trường với doanh nghiệp (thực tập, đồ án đặt hàng, tuyển dụng); - Bộ tiêu chí đánh giá năng lực, mức độ sẵn sàng của

		địa đạt chuẩn chất lượng - giá - thời gian giao hàng (QCD), phần lớn linh kiện vẫn nhập khẩu; doanh nghiệp trong nước, chủ yếu nhỏ và vừa, thiếu thông tin về nhu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật của bên mua; hoạt động kết nối chủ yếu qua hội chợ, sự kiện, chưa theo dõi được hiệu quả sau kết nối. - Lãnh đạo thành phố chưa có công cụ định lượng để xác định "khoảng trống chuỗi cung ứng", lựa chọn doanh nghiệp, sản phẩm ưu tiên hỗ trợ và thu hút dự án đầu tư phù hợp. - Nguồn nhân lực kỹ thuật (kỹ sư thiết kế, khuôn mẫu, gia công chính xác, tự động hóa, kiểm soát chất lượng, quản trị chuỗi cung ứng) còn thiếu so với yêu cầu của doanh nghiệp FDI; đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn chưa gắn chặt với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp CNHT; chưa có dữ liệu dự báo nhu cầu nhân lực theo ngành.	đại học trên địa bàn (Đại học Hàng hải Việt Nam, Đại học Hải Phòng, Đại học Sao Đỏ, Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng…) điều chỉnh quy mô, chương trình đào tạo; tích hợp "Bản đồ nhân lực CNHT" vào nền tảng để kết nối sinh viên năm cuối với thực tập, việc làm tại doanh nghiệp CNHT và FDI? (5) Mô hình liên kết Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp nào để sinh viên, giảng viên trực tiếp tham gia giải quyết bài toán kỹ thuật của doanh nghiệp CNHT (đồ án tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu được doanh nghiệp đặt hàng; thiết kế ngược, cải tiến quy trình, số hóa, tự động hóa nhà xưởng; hỗ trợ doanh nghiệp đạt chứng chỉ quốc tế); hình thành phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, trung tâm đo lường - thử nghiệm dùng chung đặt tại trường hoặc gần khu công nghiệp; đào tạo theo chuẩn kỹ thuật, ngoại ngữ chuyên ngành của đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, châu Âu; ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp từ sinh viên, giảng viên trở thành doanh nghiệp CNHT mới? (6) Cơ chế nào bảo vệ bí mật kinh doanh, xác thực dữ liệu và khuyến khích doanh nghiệp chủ động công khai, cập nhật năng lực trên nền tảng (gắn với điều kiện tiếp cận các chương trình hỗ trợ, xúc tiến thương mại của thành phố)?	doanh nghiệp CNHT. **Ngành nghề, giá trị mới:** dịch vụ dữ liệu chuỗi cung ứng; tư vấn, chứng nhận chất lượng; dịch vụ đo lường, thử nghiệm; đào tạo nhân lực theo đặt hàng; doanh nghiệp khởi nghiệp CNHT từ trường đại học. **Chỉ tiêu dự kiến (đến năm 2027):** tối thiểu 500 doanh nghiệp có hồ sơ năng lực trên nền tảng (trong đó 150 hồ sơ được xác thực); ít nhất 100 kết nối B2B thành công giữa doanh nghiệp trong nước và FDI; ít nhất 500 lượt sinh viên tham gia thực tập, đồ án, đề tài do doanh nghiệp CNHT đặt hàng; góp phần đạt mục tiêu 300 - 350 doanh nghiệp CNHT tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu vào năm 2030.
7	Xây dựng Bản đồ số chỉ số sẵn sàng	**a) Quy mô, tiềm năng:** - Thành phố đã thành lập 46 KCN với diện tích	(1) Bộ chỉ số sẵn sàng đầu tư theo từng KCN, CCN, lô đất (đất sạch, giá thuê,	**Sản phẩm:** - Cổng Bản đồ số chỉ số sẵn

	đầu tư của thành phố Hải Phòng, giúp nhà đầu tư lựa chọn địa điểm phù hợp với nhu cầu, quy mô sản xuất một cách công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian xúc tiến và ra quyết định đầu tư.	khoảng 13.009 ha (trong đó 3 KCN mới thành lập đầu năm 2026) và 80 cụm công nghiệp; các địa bàn Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Bình Giang, Kẻ Sặt trở thành vùng thu hút đầu tư mới, giảm áp lực cho dải công nghiệp nội đô. - Lũy kế đến hết tháng 6/2026, các KCN, KKT đã thu hút 1.071 dự án FDI với tổng vốn đăng ký hơn 46 tỷ USD. - Thành phố đã có Phương án cung ứng điện bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030; một số KCN đã có hạ tầng năng lượng xanh (điện mặt trời áp mái KCN Nam Đình Vũ 700 MWp; DEEP C 20 MWp điện mặt trời và turbine gió 2,3 MW). **b) Điểm nghẽn:** - Thông tin đầu tư còn phân tán: quỹ đất được công bố theo từng đợt danh mục (đợt 2 năm 2026 gồm 24 khu đất, tổng hợp từ 1 sở và 11 UBND xã, phường); dữ liệu điện, nước, viễn thông, giao thông, môi trường nằm ở nhiều đơn vị (Điện lực, nhà mạng, chủ đầu tư hạ tầng KCN, các sở, ngành); nhà đầu tư phải làm việc với nhiều đầu mối, mất nhiều thời gian khảo sát. - Hạ tầng số trong KCN chưa đồng đều: cuối năm 2025 mới có 27 trạm 5G hoạt động trong các KCN dù có 8 doanh nghiệp đầu tư hạ tầng viễn thông. - Nhà đầu tư chưa xác minh được trước các yếu tố then chốt: công suất điện còn khả dụng tại từng KCN và thời gian đấu nối, năng lực cấp nước, xử lý nước thải còn trống, rủi ro ngập, nguồn lao động.	công suất điện khả dụng và thời gian đấu nối, cấp nước, xử lý nước thải, phủ sóng 5G và cáp quang, khoảng cách tới cảng, cao tốc, sân bay, ga đường sắt, lao động, rủi ro ngập, môi trường nền) gồm những gì; kiến trúc dữ liệu nào tích hợp các chỉ số từ Điện lực, nhà mạng, chủ đầu tư hạ tầng, các sở, ngành trên Hạ tầng dữ liệu dùng chung, cập nhật định kỳ hoặc gần thời gian thực? (2) Thuật toán, mô hình AI nào cho phép nhà đầu tư nhập yêu cầu (diện tích, phụ tải điện, nhu cầu nước, loại hình sản xuất, mức phát thải, nhu cầu logistics, lao động) để tự động xếp hạng địa điểm phù hợp, ước tính tổng chi phí đầu tư - vận hành và thời gian sẵn sàng đi vào sản xuất? (3) Mô hình dự báo nào xác định dư địa hạ tầng điện, nước, giao thông khi nhiều dự án cùng đăng ký vào một khu vực, tránh cam kết vượt khả năng đáp ứng và cảnh báo sớm điểm nghẽn hạ tầng để đầu tư trước một bước? (4) Công nghệ GIS, mô hình 3D, bản sao số KCN nào cho phép mô phỏng bố trí nhà xưởng, tham quan ảo, chồng lớp quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật để nhà đầu tư nước ngoài khảo sát từ xa trước khi làm việc trực tiếp? (5) Cơ chế phân quyền nào vừa công khai, minh bạch thông tin cho nhà đầu tư, vừa bảo vệ dữ liệu hạ tầng trọng yếu	sàng đầu tư Hải Phòng đa ngữ (Việt, Anh, Nhật, Hàn, Trung), hiển thị các lớp dữ liệu đất, điện, nước, viễn thông 5G, giao thông, môi trường, lao động; - Công cụ tìm kiếm, so sánh, gợi ý địa điểm đầu tư theo nhu cầu, kèm báo cáo địa điểm tự động; - Bảng điều hành cho lãnh đạo thành phố, Ban Quản lý Khu kinh tế: nhu cầu nhà đầu tư, dư địa hạ tầng, cảnh báo điểm nghẽn, hiệu quả xúc tiến; - Mô hình 3D, bản sao số các KCN trọng điểm; - Kết nối dữ liệu với Bài toán số 2 (rủi ro ngập), số 3 (logistics), số 6 (công nghiệp hỗ trợ). **Ngành nghề, giá trị mới:** dịch vụ dữ liệu, tư vấn chọn địa điểm đầu tư; xúc tiến đầu tư số; mô hình hóa 3D, bản sao số KCN. **Chỉ tiêu dự kiến (đến năm 2027):** 100% KCN và tối thiểu 50% CCN có hồ sơ số được cập nhật; dữ liệu điện, nước, viễn thông cập nhật tối thiểu hằng tháng; rút ngắn ít

		- Tiêu chí lựa chọn của nhà đầu tư đã thay đổi, đòi hỏi hệ sinh thái dịch vụ công nghiệp bền vững, đạt chuẩn ESG, nhưng chưa có công cụ so sánh các KCN theo các tiêu chí này.	(lưới điện, viễn thông); quy định trách nhiệm cập nhật, xác thực dữ liệu của chủ đầu tư hạ tầng KCN và đơn vị cung cấp dịch vụ? (6) Phương pháp nào đo lường hiệu quả xúc tiến đầu tư (theo dõi hành trình nhà đầu tư từ tìm hiểu, khảo sát đến cấp chứng nhận đầu tư; phân tích nhu cầu tìm kiếm) để thành phố điều chỉnh chính sách, quy hoạch quỹ đất, hạ tầng?	nhất 50% thời gian từ khi nhà đầu tư tìm hiểu đến khi lựa chọn địa điểm.